

Phát triển quốc gia đoàn kết dân tộc, và hoà giải dân tộc

Tôn Thất Thiện

***Phát triển quốc gia đòi hỏi phải có đoàn kết dân tộc;
đoàn kết dân tộc đòi hỏi phải có hoà giải dân tộc***

Chiến tranh đã gây chia rẽ

Đối với tất cả các dân tộc trên thế giới, từ xưa đến nay, phát triển luôn luôn là một ưu tư hàng đầu: có phát triển là biểu hiệu của sự lành mạnh của xã hội và khả năng tồn tại và tiến bộ của quốc gia. Trong sự phát triển này, phát triển kinh tế là yếu tố then chốt, vì số hàng hoá và dịch vụ sản xuất có gia tăng thì mới có phương tiện để nâng cao mức sống và trình độ văn hoá của dân chúng.

Trong một thế giới như thế giới ngày nay, với sự bùng phát của khoa học kỹ thuật đưa đến tình trạng gia tốc lịch sử, không những phát triển, mà phát triển mau và mạnh, càng bức thiết hơn lúc nào hết. Nhưng phát triển mau và mạnh đòi hỏi một sự đoàn kết dân tộc chặt chẽ và rộng rãi. Có đoàn kết dân tộc chặt chẽ và rộng rãi mới có khả năng phát triển tối đa và toàn diện tài nguyên của đất nước và trí lực của nhân dân.

Trong công cuộc đoàn kết dân tộc, mỗi quốc gia có vấn đề cá biệt của mình. Riêng Việt Nam phải giải quyết một số vấn đề mà các quốc gia khác không có. Đó là những vấn đề phức tạp và khó khăn do hơn 30 năm chiến tranh để lại. Nguyên do của phức tạp và khó khăn này là sự xen trộn của tính chất quốc tế và quốc nội, cùng một số yếu tố khác, trong hai cuộc chiến tranh 1946-1954 và 1959-1975. Đây là trở ngại lớn trong sự thanh toán hậu quả của chiến tranh sau 1975, và mãi cho đến ngày nay.

Trên thực tế, Việt Nam là chiến trường không phải của một, mà của nhiều chiến tranh. Các chiến tranh trên đây vừa là tranh hùng tranh bá giữa hai khối cường quốc do Nga và Mỹ cầm đầu, vừa là đối đầu trên toàn cầu giữa hai ý thức hệ mác-lê chủ nghĩa và tự do chủ nghĩa, vừa là tranh chấp quyền hành giữa các đảng phái phe nhóm chánh trị Việt Nam, vừa là xung đột giữa Miền Nam và Miền Bắc, và bao trùm tất cả, tranh đấu của toàn thể nhân dân Việt Nam để dành lại độc lập thống nhất xứ sở. Tính chất đa diện này bị cuộc chiến dành độc lập thống nhất xứ sở bao phủ và làm cho mờ đi.

Sự rút quân của Hoa Kỳ và sự chiếm đóng Sài Gòn tháng 4 năm 1975 bởi bộ đội cộng sản từ Miền Bắc vào đánh dấu sự chấm dứt của cuộc tranh đấu của toàn dân Việt Nam để thực hiện độc lập và thống nhất xứ sở. Cái màn bao phủ các cuộc chiến tranh không còn nữa, và các cuộc chiến kia hiện lên rõ hơn. Với sự chấm dứt chiến tranh lạnh và hoà giải giữa Hoa Kỳ và Nga Xô, và sự giải thể của khối cộng sản Đông Âu và ngay cả của Liên-Sô, trong những năm 1989-1991, tất cả những yếu tố quốc tế đều bị loại ra và tình hình càng rõ ràng hơn

nữa: ngày nay vấn đề Việt Nam là một vấn đề thuần túy Việt Nam, phải giải quyết giữa người Việt với nhau.

Chiến tranh chấm dứt nhưng vẫn không có đoàn kết

Một khi các yếu tố quốc tế nằm ngoài tầm kiểm soát của Việt Nam bị vô hiệu hoá, đáng lý vấn đề Việt Nam trở thành giản dị. Nhưng, ngược lại, nó lại phức tạp hơn vì giới cầm quyền Việt Nam, ban lãnh đạo hiện tại của Đảng Cộng Sản, đã chọn những con đường không thể đưa đến đoàn kết dân tộc được. Thay vì thừa cơ hội hoà bình đã trở lại trên toàn cõi đất nước, và Việt Nam thống nhất và hoàn toàn độc lập, không bị ngoại quốc can thiệp và gây chia rẽ trong xứ nữa, để xoá bỏ hận thù, thực hiện hòa giải dân tộc, đưa đến đoàn kết dân tộc, để đồng tâm hợp sức kiến thiết lại xứ sở thì họ quyết định tiếp tục chủ trương đấu tranh giai cấp, chuyên chế vô sản, bạo lực cách mạng, và thi hành một chính sách trả thù trấn áp những người thuộc phe quốc gia, và coi nhân dân Miền Nam nói chung như tội nhân. Thay vì hàn gắn vết thương chiến tranh, họ lại đào sâu thêm cái hố cũ-mới, quốc-cộng, gây xáo trộn và làm tê liệt xứ sở.

Phần khác, nhân dân Miền Bắc, trong 30 năm, vì nhu cầu chiến tranh, đã ra sức chiến đấu, chấp nhận những hy sinh hết sức lớn lao, sống trong điều kiện thiếu thốn vật chất kinh khủng, chịu một hệ thống kỷ luật gắt gao, dưới một chế độ chuyên chế độc tài khắc nghiệt ít nơi nào bì kịp. Họ không hề ta thán, và không đòi hỏi gì về tự do dân chủ, vì họ tin tưởng rằng sau khi chiến tranh chấm dứt, độc lập thống nhất thực hiện, hoà bình trở lại, họ sẽ được hưởng những điều đẹp đẽ mà Bác và Đảng ĐCS đã hứa: một đời sống ấm no sung túc trong tự do dân chủ. Nhưng trái lại.

Sau 1975, nhân dân Miền Bắc, cũng như nhân dân Miền Nam, bị áp đặt chế độ "chuyên chế vô sản của thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa sau chiến thắng", theo giáo điều của Mác, Lê-nin, và gương của Stalin. Chế độ này là một chế độ chuyên chế cực độ. Hậu quả là ở Miền Bắc nhân dân tách rời chính quyền, sinh ra thờ ơ, âm thầm và dần dần công khai chống đối lãnh đạo ĐCS: sự đoàn kết dân tộc ở Miền Bắc không còn nữa. Thêm vào đó, thái độ và chính sách của khuyến khích người từ Bắc vào kinh thị người Nam, coi mình như quân đội chiếm đóng trong một nước bại trận bị chiếm đóng, tạo ra sự phân ly trầm trọng giữa người Miền Nam và người Miền Bắc.

Những yếu tố nêu trên tạo ra một tình trạng chia rẽ trầm trọng trong nước, gây trở ngại rất lớn cho đoàn kết dân tộc. Trong điều kiện đó, phát triển thành một việc không thể thực hiện được, trong khi xứ sở, sau một cuộc chiến lâu dài và khốc liệt, cần được phát triển và tái thiết gấp để nhân dân được hưởng thành quả của hoà bình và của mấy chục năm tranh đấu, hy sinh, kham khổ.

Không phát triển được, đặc biệt là không phát triển mau và mạnh được vì không có đoàn kết dân tộc. Sự thực này càng ngày càng hiển nhiên. Vì vậy, lãnh đạo ĐCS lại hô hào "đại đoàn kết dân tộc".

Chắc ai cũng còn nhớ tại hội nghị "Việt kiều yêu nước" tại Sài Gòn vào tháng 2 cách đây hai năm, ông Võ Văn Kiệt đã gây ngạc nhiên khi ông hô hào "hoà hợp dân tộc", và tung ra khẩu hiệu "vượt trên các sự khác biệt, kể cả sự khác nhau về chính kiến" và "xóa bỏ hận thù, nhìn về tương lai". Từ đó các lãnh tụ Đảng cộng sản đã tiếp tục lớn tiếng kêu gọi "đại đoàn kết dân tộc". Ông Đỗ Mười tuyên bố trước Quốc hội vào tháng 9 năm đó về đoàn kết "rộng rãi" mọi người Việt Nam yêu nước "thuộc các giai cấp,...xóa bỏ mặc cảm, xóa bỏ hận thù, nhìn về tương lai", và trong báo cáo trước Đại hội VII giữa nhiệm kỳ hồi tháng 1 năm qua, ông lại nhắc lại những điều đó và kêu gọi toàn dân "lấy đại nghĩa dân tộc" làm điểm tương đồng, "chấp nhận những điểm khác nhau...".

Đại đoàn kết là một nhu cầu bức thiết của dân ta. Nhưng lãnh tụ ĐCS vẫn chúng nào tạt ấy, tiếp tục chỉ đổi thay mảnh lối "hình thức đấu tranh". Chính sách "đại đoàn kết dân tộc" của họ thực sự chỉ là "một con ngựa què", ai cỡi lên là có thể té gãy cổ, và nó đã được thực luyện chỉ chạy có một hướng, là về chuồng ngựa mang tên "xã hội chủ nghĩa". Từ ngày ông Hồ tung ra chính sách "đại đoàn kết" trong những năm 1945-1946, ĐCS đã nhiều lần miệng thì hô hào như thế khi họ yếu, nhưng khi họ mạnh thì họ thẳng tay dùng "bạo lực cách mạng" đánh xả lảng các phân tử xã hội khác để thực hiện chuyên chế giai cấp.

Đối với lãnh đạo ĐCS không có vấn đề hoà giải

Nếu ta xét kỹ những tuyên bố của các ông Kiệt và Mười thì ta thấy: 1/ các ông không hề đề cập đến *hoà giải* dân tộc, và 2/ các ông tự dành cho họ quyền quyết định thế nào là "yêu nước", ai là "Việt kiều yêu nước", và 3/ khi các ông tuyên bố "chấp nhận những điểm khác nhau" các ông lại thêm một điều kiện, là chỉ chấp nhận những sự khác nhau "nếu không trái với lợi ích chung", hiểu theo nghĩa của họ, nghĩa là lợi ích của ĐCS.

Các lãnh tụ hiện tại của ĐCS đã tránh né vấn đề, hoặc không ý thức được đúng mức tầm quan trọng của những điều kiện căn bản của đoàn kết quốc gia *thật sự* có khả năng đưa đến hợp tác chân thành giữa những người Việt Nam "yêu nước" và "có thiện chí". Họ hoàn toàn gạt bỏ danh từ *hoà giải* trong tất cả các tuyên bố và cương lĩnh của họ. Trong diễn văn khai mạc đại hội Việt kiều "yêu nước" tháng 2 năm 1992, ông Kiệt đã dùng danh từ "hoà hợp dân tộc" 9 lần, nhưng không đã động đến vấn đề *hoà giải* dân tộc. Còn ông Mười, trong mấy lần kêu gọi đại đoàn kết cũng không hề đã động đến *hoà giải* dân tộc một lần nào. Đối với họ hoà giải là một danh từ và một vấn đề *taboo*, cấm kỵ.

Quan điểm chính thức của những người cầm quyền cộng sản hiện tại là giữa họ và những người trước kia chống đối họ "không có gì để hoà giải cả". Quan điểm này hoàn toàn phủ nhận sự kiện lịch sử là Việt Nam đã trải qua mấy chục năm nội chiến "quốc-cộng". Hai cuộc chiến 1946-1954 và 1954-1975 có tính cách chiến tranh quốc tế giữa hai khối Nga-Mỹ, nhưng đồng thời cũng là những cuộc chiến tranh trong đó người Việt chia thành hai phe thù nghịch, bắn giết lẫn nhau.

Những năm ngay sau khi chiến tranh chấm dứt, ban lãnh đạo hiện tại của ĐCS coi người Miền Nam là thù địch bị đánh bại, là "ngụy" phải trừng phạt và trấn áp. Sau 1985-86, vì kinh tế "xã hội chủ nghĩa" chỉ sản xuất chủ nghĩa xã hội, còn hàng hoá dịch vụ cần thiết để nâng cao đời sống của dân chúng không có, và, với chính sách trấn áp trả thù "ngụy", không thể có được, nên, áp dụng chiến thuật lê-ni-nít, họ thay đổi "hình thức" đấu tranh, chấm dứt dùng danh từ "ngụy", rồi dần dần, nhất là sau khi đế quốc cộng sản sụp đổ, dùng danh từ "Việt kiều". Có một số được ban cho danh hiệu "Việt kiều yêu nước" nếu họ chấp nhận định nghĩa "yêu nước" của ĐCS: "yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa", nghĩa là yêu Đảng, nghĩa là hoàn toàn quy phục Đảng, và chấp nhận vô điều kiện chế độ cộng sản hiện tại, không đặt vấn đề dân chủ tự do và sự độc tôn độc quyền của Đảng nữa.

Hoà hợp dân tộc kiếng của ĐCS và hoà hợp dân tộc thiệt

ĐCS đã lôi cuốn được một số chịu hoà hợp với họ. Nhưng đó chỉ là một phần rất nhỏ của 72 triệu dân Việt Nam. Đó chỉ là hoà hợp kiếng, sự qui phục ĐCS vô điều kiện của một thiểu số không đáng kể, chứ không phải là hoà hợp dân tộc thiệt. Muốn có hoà hợp dân tộc thiệt, trước hết phải giải quyết vấn đề hoà giải giữa những người đã có liên hệ đến hai cuộc chiến tranh, và đặc biệt đã tham gia vào hai cuộc chiến tranh đó, trong hàng ngũ "bên này" hoặc "bên kia". Xoá bỏ hận thù giữa những người thuộc "ngụy quyền Hà Nội" hay "ngụy quyền Sài Gòn", "Miền Nam" hay "Miền Bắc", là cần thiết. Nhưng làm sao hết hận thù được nếu không chấp nhận chiến tranh là sai lầm, người Việt giết người Việt là sai lầm, và khi phe thắng trận vẫn khẳng định họ có độc quyền quyết định vận mạng của toàn quốc toàn dân, và đặc quyền tùy tiện lựa chọn cách đối xử đối với những người đã bại trận, mà họ coi như là những tội nhân, nếu được ân xá là phúc đức lắm rồi!

Nhưng một sự thật càng ngày càng hiển nhiên là, nếu xét hiện trạng của tất cả mọi người Việt, dù thuộc "bên này" hoặc "bên kia", thắng hay bại, một cách khách quan, thì phải công nhận rằng hậu quả cay chua phũ phàng của các chiến tranh từ 1945 đến 1975 là *thật sự không có ai thắng hết, ai cũng bại cả*: người Việt Nam nào -- "cách mạng" hay "phản động", "Bắc" hay "Nam" -- không tàn tật côi cút, nhà tan cửa nát, thiếu thốn đói rách, thì cũng tha hương bơ vơ lạc địa, và đối với tất cả, tương lai u ám bất định. Tất cả đều là nạn nhân của một trạng huống quốc tế mà người ta gọi là "chiến tranh lạnh" -- sự tranh hùng giữa hai khối cường quốc, và đặc biệt, giữa Nga và Mỹ --. Như vậy, nói "ta thắng, chúng bại", hay "ta bại, chúng thắng" ngày nay trở thành những lời nói vô nghĩa. Và không những vô nghĩa, mà còn thiệt hại lớn cho xứ sở cũng như cho bản thân, vì quan niệm đó cản trở sự hòa giải hoàn toàn giữa những người Việt đã trực tiếp hoặc gián tiếp liên hệ đến chiến tranh vì ở "phía bên này" hay "phía bên kia". Nó ngăn trở sự đại đoàn kết *dân tộc thực sự* -- dân tộc và thực sự --,

điều kiện của một sự hợp tác rất cần thiết giữa mọi người Việt trong công cuộc tái thiết và kiến thiết xứ sở để cải thiện đời sống của mình.

Một khi đã chấp nhận hòa giải là đúng và cần thiết thì những người trách nhiệm cầm quyền phải tuyên bố chính sách này một cách chính thức, công khai, rõ ràng và dứt khoát. Quan trọng hơn nữa, họ phải áp dụng tinh thần hòa giải đó trong tác phong và hành động hàng ngày của mình, và đòi tất cả các nhân viên chính quyền, các cán bộ phải triệt để tôn trọng tinh thần đó. Đương nhiên, sẽ không còn vấn đề "lý lịch" nữa, công khai hoặc trá hình; sẽ không còn vấn đề "theo dõi" những người trước thuộc phía "bên kia" nữa; không có vấn đề mời ai (nhất là những người trước kia bị xếp vào hạng "ngụy"), phải đến "làm việc" với công an nữa khi họ về xứ, ngay cả khi họ chưa bước chân ra khỏi phi trường Tân Sơn Nhất. Mọi người công dân Việt Nam, dù "cũ" hay mới, "cách mạng" hay "phản cách mạng", "Bắc" hay "Nam" trước kia, nay đều phải được đối xử bình đẳng, như nhau, đồng quyền, đồng lợi.

Giải quyết vấn đề hoà giải dân tộc là đương nhiên giải quyết hai vấn đề (2) và (3), nghĩa là lúc đó không còn phải phân biệt ai là "yêu nước" ai là không "yêu nước", và cũng không cần đặt vấn đề thế nào là "phù hợp", và thế nào là "trái" với "lợi ích chung". Vì lúc đó không ai có quyền, và cũng không ai có nhu cầu, phải nêu vấn đề này cả. "Yêu nước" lúc đó là làm tất cả những gì đóng góp nhiều ít vào trong công cuộc tái thiết và phát triển xứ sở, và "lợi ích chung" là dân được tự do sung mãn, nước càng ngày càng giàu mạnh thêm, có trật tự kỷ cương, đủ điều kiện để tiếp tục tiến đều, được các nước khác kính nể.

Phải tiếp tục chống ngu muội, phản động, cuồng quyền, và bạo lực

Những tin gần đây buộc ta nghĩ rằng những điều trên đây nay còn là nguyện vọng xa vời của dân tộc. Trong phiên họp lần thứ 8 vừa qua (16-2 đến 23-2) Trung ương ĐCS, còn bị nhóm bảo thủ phản động chi phối, đã hoàn toàn không nhúc nhích quan điểm. Họ vẫn quyết định 1/ chỉ có ĐCS (?) mới đủ khả năng (?) lãnh đạo nước Việt Nam chống lại sự phá hoại của đế quốc (tuy rằng, ngày nay, năm 1995 chỉ có những người lạc hậu lắm mới tiếp tục nói đến chuyện "chống đế quốc"); 2/ chống lại chủ trương đa nguyên đa đảng (trong khi Nga đang tiến mạnh trên con đường đó, và ngày nay, ngay cả trong hàng ngũ ĐCSVN càng ngày càng nhiều người thấy đó là một điều cần thiết và một món nợ mà lãnh đạo Đảng phải trả cho dân; 3/ đề cao nguyên tắc xây dựng XHCN (dù rằng ngày nay danh từ này đã thành vô nghĩa và lố bịch), tập trung dân chủ (dù rằng phương thức này đã làm cho Đảng bị tê liệt), thống nhất quyền hành dưới sự lãnh đạo của ĐCS (để rồi Đảng dắt dân Việt Nam đi lang bang vào những vũng lầy nguy hiểm, như trong 20 năm qua?); 4/ thiết lập nhà nước pháp quyền (phù hợp với điều (2) và (3) đã nêu ra ở trương (1), cho phép họ tự do bất bớ, lưu đày, giam cầm, đe dọa những người mà họ coi là "không yêu nước" và "không tôn trọng lợi ích chung", như các vị tu sĩ Thích Quảng Độ và Thích Huyền Quang gần đây).

Ngu muội, phản động, cuồng quyền và bạo lực vẫn tiếp tục ngự trị và cản đường tiến của dân tộc. Cho nên nhân dân Việt Nam còn phải kiên quyết tiếp tục tranh đấu thật mạnh mới lay chuyển nổi tình hình. Tất cả những ai ưu tư về tiền đồ của xứ sở và dân tộc, trong cũng như ngoài Đảng, đều phải tích cực tham gia vào cuộc tranh đấu chống ngu muội, phản động, cuồng quyền và bạo lực này.

Cuộc tranh đấu này sẽ có nhiều hy vọng đem lại thành công hơn nếu tất cả những người Việt Nam, dù thuộc "bên này" hoặc "bên kia" trước đây, nhất quyết nay quay lưng về quá khứ, chỉ nghĩ đến tiền đồ của xứ sở và dân tộc, bất chấp chính sách phân biệt giai cấp của nhóm cầm quyền hiện tại của ĐCS, hoà giải với nhau trên căn bản tương thông tương cảm, tương kính tương trọng, hoàn toàn bình đẳng, đồng quyền đồng lợi, bất kể "cũ, mới", đồng tâm ra sức để đi đến một sự đoàn kết dân tộc thực sự trên căn bản một thể chế dân chủ thật sự. Họ phải nhất quyết đòi nhóm lãnh đạo hiện tại của ĐCS phải thẳng thắn tuyên bố và nghiêm túc thực thi những điều căn bản này. Có như vậy xứ sở mới hội đủ điều kiện cần thiết để phát triển, tối đa, toàn diện, với tốc độ cao, tạo cho dân tộc những điều kiện tối hảo để đồng tồn đồng tiến.

Ottawa, tháng 3, 1995

lời chúng tôi viết cuồng quyền, thay vì
 CUỒNG CƯỜNG quyền
 CUỒNG CƯỜNG

i.e. thiên công
 công tín